

Bản án số: 863/2023/HS-PT

Ngày: 16 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười Ông

Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 642/2023/HSPT ngày 28/8/2023 đối với bị cáo Phan Văn H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Văn H, sinh năm 1998 tại Campuchia. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Không quốc tịch; con ông Phan Văn O, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. Phan Văn T, sinh năm 2000 tại Campuchia. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Không quốc tịch; con ông Phan Văn T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

3. Trịnh Văn L, sinh 1998 tại Campuchia. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Không quốc tịch; con ông

Trịnh Văn S, sinh năm 1964 và bà Hồ Thị Á, sinh năm 1966 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

4. Phan Văn Q, sinh ngày 05-7-2006, tại Campuchia. (Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 8 tháng 03 ngày). Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

5. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 31-12-2006 tại Campuchia (Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 3 tháng 02 ngày). Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Không quốc tịch; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

6. Trần Văn N, sinh ngày 10-01-2006, tại Campuchia. (Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 23 ngày). Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Không quốc tịch; con ông Trần Văn T3, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1987 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

7. Diệp Văn P, sinh ngày 31-12-2004 tại Campuchia. (Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 3 tháng 02 ngày) Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Không quốc tịch; con ông Diệp Văn K1, sinh năm 1978 và bà Hoa Thị N1, sinh năm 1979 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

8. Huỳnh Văn N2, sinh năm 2001, tại Campuchia. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1969 và bà Lê Thị B, sinh năm 1970 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

9. Võ Văn L1, sinh năm 2000, tại Campuchia. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn M, sinh năm 1964 và bà Đặng Thị H2, sinh năm 1966; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ ngày 23-8-2022, chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

+ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Văn Q:* Ông Phan Văn T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

+ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Đ:* Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

+ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn N:* Ông Trần Văn T3, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

- Người bào chữa cho các bị cáo

+ *Người bào chữa cho bị cáo H:* Luật sư Thái Thị Xuân S1 và luật sư Quỳnh A, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo T:* Luật sư Đinh Bửu L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T và luật sư Quỳnh A, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo L:* Luật sư Đinh Bửu L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T và luật sư Quỳnh A, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo Q:* Luật sư Vũ Thanh H3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo Đ:* Luật sư Vũ Thanh H3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo N:* Luật sư Trương Thị Thu H4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo P:* Luật sư Trương Thị Thu H4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo N2:* Luật sư Vũ Thanh H3 và luật sư Phạm Quốc K2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo L1:* Luật sư Quỳnh A và luật sư Phạm Quốc K2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- Bị hại:

1/ Ông Phan Văn T4 (D1), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

2/ Ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây

Ninh; (có mặt)

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03-4-2022, các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Võ Văn L1, Huỳnh Văn N2, Diệp Văn P, Trần Văn N đến nhà bà Diệp Thị Y ở ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để cùng nhau uống rượu. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, thì bà Y không uống nữa bỏ đi nằm nghỉ, riêng các bị cáo H, T, L, Q, Đ, L1, N2, P và N tiếp tục uống đến khoảng 19 giờ thì hết rượu. Lúc này, bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo Đ đi mua thêm rượu để tất cả cùng uống. Khi mua rượu xong trên đường về đến gần khu vực nhà bị hại ông Phan Văn T4 (cách nhà bà Y khoảng 80m) thì bị cáo T điều khiển xe net bỏ thì bị Phan Văn P1 (con ông T4) lấy cây tầm vong dài 5,4 m ở trước nhà chạy ra theo đánh, bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo Đ tăng ga chạy thoát và dừng xe trước nhà bà Y la lớn lên “*anh em ơi tôi bị đánh*”, bị cáo H nghe vậy nên hỏi “*ai đánh?*”, bị cáo T trả lời “*Pha đánh*” rồi bị cáo T và Đ quay lại chạy trước sang bị hại T4; bị cáo H lấy 01 con dao dài 22 cm (*dao dùng để cắt da trâu tại chỗ nhậu*) bỏ vào túi quần và lấy 01 cây sắt tròn bằng kim loại màu trắng dài 68 cm chạy sang, bị cáo L1 cầm theo 01 cây vũ khúc (lấy trong cốp xe của L1) và 01 cái ghế inox màu trắng chạy sang, bị cáo Q và bị cáo N mỗi người cầm 01 cái ghế I màu trắng cùng với bị cáo N2, bị cáo L và bị cáo P chạy theo bị cáo T và bị cáo Đ đến nhà bị hại T4. Khi chạy, bị cáo H nhìn thấy đóng gạch ở cặp đường nên vứt bỏ cây sắt, lấy 01 cục gạch cầm trên tay trái tiếp tục chạy theo bị cáo T và Đ. Khi đến trước nhà bị hại T4 và nhà của ông Trần Văn L3 liền kề, thì các bị cáo T, Đ, H, L, N, L1, N2, Q và P dùng ghế, gạch, đá ném liên tục vào bị hại T4, vào nhà ông L3, vào ông P1 (con bị hại T4) và ông Phan Văn T5 (con bị hại T4), làm vỡ cửa kính nhà ông L3 và vỡ cửa kính nhà bị hại T4. Sau đó, bị cáo H cầm dao xông vào đứng đối diện đâm hai nhát vào bụng của bị hại T4 rồi H vứt dao tại chỗ, bị hại T4 chạy vào nhà ông L3 để trốn.

Cùng lúc này, có bị hại Tô Văn L4, Trần Văn Đ2 và Trần Thị H5 đến nhà bị hại T4; thì bị cáo T, Q và L nhìn thấy nên bị cáo T giật cây sắt trên tay của bị cáo L1 đánh mạnh một cái vào đầu ông Đ2; bị cáo Q lấy cây tầm vong dài 1,4m tại sân nhà bị hại T4 đánh mạnh một cái vào đầu ông Tô Văn L4; bị cáo L lấy cây tầm vong dài 68cm tại sân nhà ông L3 đánh mạnh vào đầu bà H5 một cái. Lúc này, có người truy hô “*Công an đến*” nên cả nhóm bỏ chạy về nhà bị cáo Phan Văn H. Bị hại T4 được đưa đi cấp cứu bệnh viện đa khoa tỉnh T; ông Đ2, ông L4 và bà H được đưa đến trạm Y tế xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cứu và điều trị.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 147/2022/TgT ngày

06-6-2022, của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của bị hại Phan Văn T4, kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 26%.*

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/2022/TgT ngày 06-6-2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của Trần Văn Đ2, kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.*

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 143/2022/TgT ngày 06-6-2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của Tô Văn L4, kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Tô Văn L4, sinh năm 2000 do thương tích gây nên hiện tại là 03%.*

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 166/2022/TgT ngày 06-6-2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của Trần Thị H5, kết luận: *tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Thị H5, sinh năm 2002 do thương tích gây nên hiện tại là 02%.*

Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3912/C09B ngày 15-7-2022, của V tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *tại thời điểm giám định (tháng 7 năm 2022) Phan Văn Q có độ tuổi từ 17 năm 06 tháng đến 18 năm.*

Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3913/C09B ngày 15-7-2022, của V tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *tại thời điểm giám định (tháng 7 năm 2022) Diệp Văn P có độ tuổi từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm.*

Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3914/C09B ngày 15-7-2022, của V tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *tại thời điểm giám định (tháng 7 năm 2022) Nguyễn Văn Đ có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng.*

Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1429/C09B ngày 23-02-2023, của V tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *tại thời điểm giám định (tháng 02 năm 2023) Trần Văn N có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng.*

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/KL-HĐĐG ngày 03-11-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND tỉnh T kết luận: *tại thời điểm định giá ngày 03-4-2022. Tổng cộng: 355.000 đồng.*

* Trách nhiệm bồi thường: Các bị cáo tác động gia đình đã bồi thường cho bị hại Phan Văn T4 số tiền 82.000.000 đồng; bị hại Trần Văn Đ2 số tiền 3.600.000 đồng; bị hại Trần Thị H5 số tiền 1.800.000 đồng và bị hại Tô Văn L4 số tiền 6.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn H 12 (mười hai) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn T 12 (mười hai) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn L 09 (chín) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn L1 07 (bảy) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn N2 07 (bảy) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn Q 06 (sáu) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 04 (bốn) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N 04 (bốn) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Diệp Văn P 04 (bốn) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2023, bị cáo Phan Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/7/2023, bị cáo Phan Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/7/2023, bị cáo Trịnh Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/7/2023, bà Nguyễn Thị D là người giám hộ của bị cáo Phan Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phan Văn Q. Ngày 31/7/2023, bị cáo Phan Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/7/2023, ông Nguyễn Văn T2 là người giám hộ của bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Ngày 27/7/2023, ông Trần Văn T3 là người giám hộ của bị cáo Trần Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn N.

Ngày 28/7/2023, bị cáo Huỳnh Văn N2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/7/2023, bị cáo Võ Văn L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/7/2023, người bị hại – ông Trần Văn Đ2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Diệp Văn P, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1.

Ngày 21/7/2023, người bị hại – ông Phan Văn T4 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Diệp Văn P, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

1.1. Bị cáo Phan Văn H giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.2. Bị cáo Phan Văn T giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo ở vùng khó khăn nên hiểu biết còn hạn chế, bị cáo có em ruột cũng là bị cáo trong vụ án nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

1.3. Bị cáo Trịnh Văn L giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.4. Bà Nguyễn Thị D là người giám hộ của bị cáo Phan Văn Q giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q vì bị cáo Q không hiểu biết pháp luật.

1.5. Ông Nguyễn Văn T2 là người giám hộ của bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, do bị cáo Đ từ Campuchia về nên không hiểu biết luật, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

1.6. Ông Trần Văn T3 là người giám hộ của bị cáo Trần Văn N giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo không hiểu biết pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

1.7. Bị cáo Huỳnh Văn N2 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo không hiểu biết pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

1.8. Bị cáo Võ Văn L1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo không hiểu biết pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

2. Phản hồi:

Người bị hại – ông Phan Văn T4, ông Trần Văn Đ2 cùng trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho tất cả bị cáo, vì các bị cáo còn khờ dại, ở Campuchia về, không hiểu biết pháp luật.

3. Phần tranh luận

3.1 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1 phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên hình phạt 12 năm tù đối với các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T; hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo Huỳnh Văn L5; hình phạt 07 năm tù đối với các bị cáo Võ Văn L1, Huỳnh Văn N2; hình phạt 06 năm tù đối với bị cáo Phan Văn Q; hình phạt 04 năm tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, người giám hộ của bị cáo và các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1

3.2. Phần đối đáp của luật S1 bào chữa cho bị cáo Phan Văn H: Bị cáo H do bị tấn công trước nên mới có hành vi bộc phát đâm bị hại như vậy. Sau khi xử sơ thẩm thì gia đình bị cáo tiếp tục khắc phục bồi thường thiệt hại và bị hại tiếp tục kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H nên đề nghị HĐXX xem xét đến các tình tiết mới này và giảm cho bị cáo H một phần hình phạt.

3.3. Phần đối đáp của luật sư L2 bào chữa cho các bị cáo Phan Văn T, Trịnh Văn L: Thống nhất về tội danh đối với các bị cáo, tuy nhiên về mức hình phạt thì cao. Cần bổ sung thêm điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS vì các bị cáo ở vùng biên giới, không có quốc tịch, các bị cáo không biết chữ. Đối chiếu với bản án sơ thẩm thì số tiền khắc phục hậu quả thì các bị cáo có khắc phục thêm nên đề nghị HĐXX xem xét đến 2 vấn đề này.

3.4. Phần đối đáp của luật sư H3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn Q, Huỳnh Văn N2: Các bị cáo N2, Q, Đ đều là trẻ vị thành niên, chưa có quốc tịch, ở vùng biên giới Campuchia, phạm tội lần đầu, không hiểu biết pháp luật. Chỉ là

những đứa trẻ mới lớn hiếu thắng muốn thể hiện bản thân chứ không có ý định giết người. Gia đình rất khó khăn nhưng cũng cố gắng khắc phục cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên mong HĐXX xem xét giảm cho các bị cáo 1 phần hình phạt.

3.5. Phần đối đáp của luật sư Thu H4 bào chữa cho bị cáo Trần Văn N: Mong HĐXX xem xét bị cáo N còn nhỏ, hành sự bộc phát, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng biên giới nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa lỗi lầm.

3.6. Phần đối đáp của luật sư K2 bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1: Cấp sơ thẩm tuyên các bị cáo N2, L1 nặng hơn so với các bị cáo khác vì vai trò của các bị cáo trong vụ án này có phần mờ nhạt và đến hiện trường sau cùng, có vai trò không tích cực, không phạm tội theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS, gia đình bị cáo cũng có khắc phục thêm cho bị hại, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS cho 2 bị cáo để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo.

3.7. Phần đối đáp của luật sư Quỳnh A bào chữa cho các Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Võ Văn L1: Cấp sơ thẩm chưa áp dụng Điều 54 BLHS đối với 4 bị cáo này vì các bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo sinh ra tại Campuchia mới về Việt Nam, sống tại vùng biên giới đặc biệt khó khăn. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo 1 phần hình phạt.

3.8. Người bị hại – ông Phan Văn T4, ông Trần Văn Đ2 cùng trình bày: Xin HĐXX giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

3.9. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, các luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, người giám hộ cho bị cáo và người bị hại giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

4. Phần các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1, Diệp Văn P: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1, bà Nguyễn Thị D là người giám hộ của bị cáo Phan Văn Q, ông Nguyễn Văn T2 là người giám hộ của bị cáo Nguyễn Văn Đ, ông Trần Văn T3 là người giám hộ của bị cáo Trần Văn N; các bị hại Trần Văn Đ2 và Phan Văn T4 đã thực hiện việc kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q,

Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Khoảng 19 ngày 03/4/2022, bị cáo Phan Văn T điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Văn Đ khi chạy ngang nhà ông Phan Văn T4 thì nẹt pô nên xảy ra mâu thuẫn với ông Phan Văn P1 (con ông Phan Văn T4). Sau đó, bị cáo T quay về gọi các bị cáo Phan Văn H, Trịnh Văn L6, Phan Văn Q, Võ Văn L1, Huỳnh Văn N2, Diệp Văn P, Trần Văn N cùng đến nhà ông T4. Các bị cáo dùng ghế, gạch, đá ném liên tục vào người ông T4, bị cáo H dùng dao dài 22cm đâm hai nhát vào bụng của ông T4. Cùng lúc này, ông Tô Văn L4, ông Trần Văn Đ2 và bà Trần Thị H5 đến nhà ông T4, bị cáo T dùng cây sắt đánh mạnh một cái vào đầu ông Đ2, bị cáo Q dùng cây tầm vông dài 1,4m đánh mạnh một cái vào đầu ông L4, bị cáo L dùng cây tầm vông dài khoảng 68cm đánh mạnh một cái vào đầu bà H5. Lúc này, có người truy hô “Công an đến” nên các bị cáo bỏ chạy về nhà bị cáo H5. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hằng ngày nhưng với thái độ hung hăng, côn đồ, các bị cáo đã dùng dao đâm vào bụng, cây sắt, cây tầm vông đánh vào đầu là những vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, gây ra thương tích nặng.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 147/2022/TgT ngày 06-6-2022, của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của bị hại Phan Văn T4, kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 26%.*

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/2022/TgT ngày 06-6-2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của Trần Văn Đ2, kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.*

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 143/2022/TgT ngày 06-6-2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T đối với thương tích của Tô Văn L4, kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Tô Văn L4, sinh năm 2000 do thương tích gây nên hiện tại là 03%.*

[2.2] Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng dao đâm vào vùng bụng, dùng cây sắt, cây tầm vông đánh vào đầu của người khác là những vị trí trọng yếu trên cơ thể, có thể tước đoạt tính mạng của người bị tấn công nhưng vẫn cố tình thực hiện. Người bị hại không chết là ngoài ý muốn của các bị cáo, do người bị hại được cứu chữa kịp thời.

Hành vi của các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1 là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại khu vực.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1 phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét đơn xin giảm án của người bị hại là ông Phan Văn T4, ông Trần Văn Đ2

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/7/2023, người bị hại là ông Phan Văn T4 và ông Phan Văn Đ3 có đơn xin giảm án cho các bị cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm mức án nhẹ nhất cho các bị cáo. Xét thấy, trong quá trình xét xử sơ thẩm những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, tại cấp phúc thẩm ông T4 và ông Đ3 tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo không phải là tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại một khoản tiền và đề nghị HĐXX xác định đây là tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm các bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại và tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, tại cấp phúc thẩm gia đình các bị cáo tiếp tục bồi thường cho người bị hại không phải là tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Văn H:

[5.1] Bị cáo Phan Văn H là người trực tiếp dùng dao đâm 02 nhát vào bụng ông T4, thương tích của ông T4 do bị cáo H gây ra nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H cùng với bị cáo T có vai trò cao nhất trong vụ án là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo H không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo H 12 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo H thực hiện.

[5.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo H.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Văn T

[6.1] Bị cáo Phan Văn T là người điều khiển xe mô tô net pô gây mâu thuẫn với ông Phan Văn P1 (con ông Phan Văn T4), bị cáo T là người gọi các bị cáo khác cùng kéo đến nhà ông T4 đánh để trả thù, bị cáo T là người dùng cây sắt đánh vào đầu ông Đ3 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T cùng với bị cáo H có vai trò cao nhất trong vụ án là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo T không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo T 12 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo T thực hiện.

[6.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Văn L:

[7.1] Bị cáo Trịnh Văn L không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng khi được bị cáo T gọi đi đến nhà người bị hại để đánh trả thù thì bị cáo L đồng ý, bị cáo L là người dùng cây tầm vông đánh vào đầu bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo L có vai trò thực hành tích cực trong vụ án là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo L không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo L 09 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo L thực hiện.

[7.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo L cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản

án sơ thẩm đối với bị cáo L.

[8] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bà Nguyễn Thị D là người giám hộ của bị cáo Phan Văn Q và của bị cáo Phan Văn Q:

[8.1] Bị cáo Phan Văn Q không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng khi được bị cáo T gọi đi đến nhà người bị hại để đánh trả thù thì bị cáo Q đồng ý, bị cáo Q là người dùng cây tầm vông đánh vào đầu ông L4 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Q có vai trò thực hành tích cực trong vụ án là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo Q dưới 18 tuổi, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo Q 06 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Q thực hiện.

[8.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà D là người giám hộ của bị cáo Q và bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà D, bị cáo Q cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Q, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Q.

[9] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 là người giám hộ của bị cáo Nguyễn Văn Đ xin giảm nhẹ hình cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:

[9.1] Bị cáo Nguyễn Văn Đ đi cùng với bị cáo T điều khiển xe mô tô net pô gây mâu thuẫn với ông Phan Văn P1 (con ông Phan Văn T4), bị cáo Đ cùng với bị cáo T là người gọi các bị cáo khác cùng kéo đến nhà ông T4 đánh để trả thù, bị cáo Đ ném ghế, gạch ném vào nhà ông Phan Văn L7 (con ông T4) làm vỡ kính, không trực tiếp gây thương tích cho những người bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Đ tham gia tích cực trong vụ án là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo Đ dưới 18 tuổi, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo Đ 04 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội

của hành vi do bị cáo Đ thực hiện.

[9.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 là người giám hộ của bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T2 cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đ.

[10] Xét kháng cáo của ông Trần Văn T3 là người giám hộ của bị cáo Trần Văn N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn N:

[10.1] Bị cáo Trần Văn N không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng khi được bị cáo T và bị cáo Đ gọi đi đến nhà người bị hại để đánh trả thù thì bị cáo N đồng ý, bị cáo N ném ghế, gạch ném vào nhà ông Phan Văn L7 (con ông T4) làm vỡ kính, không trực tiếp gây thương tích cho những người bị hại nên cần xác định bị cáo N tham gia với vai trò không đáng kể. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo N không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo N là người dưới 18 tuổi, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo N 04 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo N thực hiện.

[10.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T3 là người giám hộ của bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T3, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo N.

[11] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Văn N2:

[11.1] Bị cáo Huỳnh Văn N2 không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng khi được bị cáo T và bị cáo Đ gọi đi đến nhà người bị hại để đánh trả thù thì bị cáo N2 đồng ý, bị cáo N2 dùng đá ném 02 lần vào nhà ông T4, không trực tiếp gây thương tích cho những người bị hại nên cần xác định bị cáo N tham gia với vai trò không đáng kể. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo N2 không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo N2 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo N2 07 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo N2 thực hiện.

[11.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo N2, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N2, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo N2.

[12] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Văn L1:

[12.1] Bị cáo Võ Văn L1 không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng khi được bị cáo T và bị cáo Đ gọi đi đến nhà người bị hại để đánh trả thù thì bị cáo L1 đồng ý, bị cáo L1 cầm ghế inox và cây sắt chạy đến nhà ông T4 để đánh nhau, sau đó bị cáo T giật cây sắt trên tay bị cáo L1 để đánh vào đầu ông Đ3, bị cáo L1 dùng gạch ném vào nhà ông T2 làm vỡ cửa kính, không trực tiếp gây thương tích cho những người bị hại nên cần xác định bị cáo L1 tham gia với vai trò không đáng kể. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo L1 không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo L1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu từ đó xử phạt bị cáo L1 07 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo L1 thực hiện.

[12.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo L1, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L1, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo L1.

[13] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[14] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Huỳnh Văn N2, Võ

Văn L1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T2, ông Trần Văn T3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn Đ2, ông Phan Văn T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là người giám hộ của bị cáo Phan Văn Q, ông Nguyễn Văn T2 là người giám hộ của bị cáo Nguyễn Văn Đ, ông Trần Văn T3 là người giám hộ của bị cáo Trần Văn N; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại ông Trần Văn Đ2 và ông Phan Văn T4. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1 phạm tội “Giết người”

1.1. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

1.2. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

1.3. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

1.4. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn L1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022

1.5. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N2 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt

tù tính từ ngày 23-8-2022.

1.6. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Q 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

1.7. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

1.8. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

1.9. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 101; Điều 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Diệp Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

2. Tiếp tục giam giữ các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Trần Văn N, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1, Phan Văn Q, Nguyễn Văn Đ để đảm bảo Thi hành án

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

4.1. Các bị cáo Phan Văn H, Phan Văn T, Trịnh Văn L, Phan Văn Q, Huỳnh Văn N2, Võ Văn L1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

4.2. Ông Trần Văn T3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

4.3. Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

4.4. Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn Đ4, ông Phan Văn T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VP, HS (ĐTM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Mười

Nguyễn Văn Hùng

Vũ Đức Toàn